

Số: 1266 /UBND-NN

Quảng Trị, ngày 11 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá điều tra, quy hoạch, khảo sát thiết kế
các công trình nông-lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá và thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định 2366/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/9/1997 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, quy hoạch rừng và Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 về việc ban hành định mức lao động trong công tác điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN ngày 28/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành định mức lao động thiết kế khai thác và thẩm định thiết kế khai thác rừng;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/2/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 665/SNN-KHTC ngày 31/12/2018 kèm theo Công văn số 4010/STC- GCS ngày 22/12/2017 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá điều tra, quy hoạch, khảo sát thiết kế các công trình nông-lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Thành tiền
I	Điều tra, khảo sát rừng tự nhiên (đ/ha)	1.164.971

II	Điều tra, khảo sát rừng trồng (đ/ha)	526.729
III	Quy hoạch lâm nghiệp quy mô < 100.000 ha (đ/ha)	28.088
IV	Quy hoạch lâm nghiệp quy mô 100.000 - 250.000 ha (đ/ha)	18.172
V	Quy hoạch lâm nghiệp quy mô > 250.000 ha (đ/ha)	9.123
VI	Khảo sát, thiết kế trồng rừng; Khảo sát, thiết kế nâng cấp rừng trồng; Khảo sát, lập hồ sơ thanh lý rừng trồng không có trữ lượng gỗ khai thác (đ/ha)	860.106
VII	Khảo sát, thiết kế khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung (đ/ha)	253.553
VIII	Khảo sát, thiết kế bảo vệ rừng; Khảo sát, thiết kế khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung (đ/ha)	103.013
IX	Khảo sát, thiết kế tía thưa rừng (đ/ha)	1.004.010
X	Khảo sát, thiết kế khai thác gỗ rừng trồng; Khảo sát lập hồ sơ thanh lý rừng trồng có trữ lượng gỗ khai thác (đ/m ³)	31.674
XI	Khảo sát, thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên (đ/m ³)	105.276

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Mức lương cơ sở áp dụng là 1.300.000 đồng/tháng; khi mức lương cơ sở thay đổi thì kết cấu đơn giá được phép điều chỉnh chi phí nhân công với hệ số điều chỉnh $K = \text{mức lương cơ sở tại thời điểm} / 1.300.000 \text{ đồng}$.

- Đối với công trình khác

+ Khảo sát, thiết kế đường lâm nghiệp, đường ranh cản lửa: Đơn giá tính theo định mức quy định của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Đơn giá thâm định thiết kế khai thác gỗ rừng trồng tính theo định mức của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đơn giá giám sát công trình nông-lâm nghiệp được tính theo các định mức, quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Đơn giá quy hoạch nông nghiệp (quy hoạch cây công nghiệp dài ngày, quy hoạch phát triển sản xuất ngành trồng trọt,...): Được tính theo quy mô, tỷ lệ định mức hiện hành của Chính phủ, các Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng.

+ Những công việc khảo sát và thiết kế có điều kiện địa hình và yêu cầu kỹ thuật tương tự, chưa có trong bộ đơn giá này thì có thể vận dụng những mức giá tương ứng trong bộ đơn giá này. Những công việc khảo sát và thiết kế khác, theo quy trình, quy phạm mới không vận dụng được đơn giá này thì phải xây dựng đơn giá riêng.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức chi phí thiết kế trồng rừng, thiết kế khai thác gỗ rừng trồng và gỗ rừng tự nhiên, chi phí thâm định khai thác gỗ rừng trồng và gỗ rừng tự nhiên.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc

Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, NN(P), TM

Dz

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng